TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Ông Dương Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2020 cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Phương Đ trình bày:*

Chị và anh S được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh S không lo cho gia đình và có hành vi đánh chị, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh chị đã

ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 04 người con chung tên Lê Văn C – sinh năm 1995, Lê Văn Đ – sinh năm 1997, Lê Huỳnh Nh – sinh ngày 29/10/2002, Lê Như A – sinh ngày 15/12/2003, hiện nay cháu C và cháu Đ đã trưởng thành, cháu Nh và cháu A do chị Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh và cháu A, không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C và cháu Đ đã trưởng thành, có đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Phương Đ và ông Lê Văn S chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do đó, áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Đ và anh S là vợ chồng. Con chung giao Lê Huỳnh Nh – sinh ngày 29/10/2002, Lê Như A – sinh ngày 15/12/2003 cho chị Đ tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Chị Đ không có yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Phương Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lê Văn S. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh S có địa chỉ tại khóm A, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có tống đạt hợp lệ cho anh S nhưng anh S không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị Đ và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh S nhưng anh S vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phương Đ và anh Lê Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, anh chị có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Phương Đ và anh Lê Văn S là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Đ và anh S có 04 người con chung tên 04 người con chung tên Lê Văn C – sinh năm 1995, Lê Văn Đ – sinh năm 1997, Lê Huỳnh Nh – sinh ngày 29/10/2002, Lê Như A – sinh ngày 15/12/2003, hiện nay cháu C và cháu Đ đã trưởng thành, cháu Nh và cháu A do chị Đ nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Nh và cháu A hiện tại chị Đ đang nuôi dưỡng, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Đồng thời cháu Nh và cháu A đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống cùng với chị Đ. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Nh và cháu A cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với cháu C và cháu Đ đã trưởng thành, không ai yêu cầu nên không xét. Anh S không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với yêu cầu cấp dưỡng chị Đ không đặt ra nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 07/01/2020 của Ban nhân dân khóm A thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện tại không ai khiếu kiện chị Đ và anh S về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương Đ phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Phương Đ và anh Lê Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh Nh – sinh ngày 29/10/2002, Lê Như A – sinh ngày 15/12/2003 cho chị Nguyễn Phương Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương Đ phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 09 tháng 01 năm 2020 chị Đ có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010874 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh S vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa